

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74 /2022/DS-ST.

Ngày: 18-8- 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thế Hanh

2. Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8//2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2021/TLST- DS ngày 20/4/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-DS ngày 24/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1979(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hợp Lý, xã Bắc Lý(nay là Tổ dân phố Tân Hợp, xã Bắc Lý), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1979(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn Th1, sinh năm 1979

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th1: Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1979(có mặt)

Đều cư trú: Thôn Hợp Lý, xã Bắc Lý(nay là Tổ dân phố Tân Hợp, xã Bắc Lý), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Ngô Thị T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị Th trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với anh

Ngô Văn T nên ngày 01/3/2012 bà có cho anh Ngô Văn T và vợ là Ngô Thị T1 vay số tiền là 10.000.000đồng và hẹn đến ngày 01/4/2012 thì trả tiền. Khi vay có viết giấy vay tiền và anh T có ký tên vào phần người vay tiền. Đến hạn anh T không trả bà số tiền đã vay, bà đã đòi rất nhiều lần nhưng anh T khất nhiều lần nhưng không trả. Trước thời điểm bà khởi kiện bà có xuống đòi nhưng anh T cũng hứa hẹn rồi không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu anh T phải trả cho bà số tiền gốc là 10.000.000đồng và yêu cầu anh T trả lãi theo lãi xuất chậm trả do pháp luật quy định là 10%/năm kể từ ngày 01/4/2012 đến ngày 01/4/2022 là 10 năm.

Ông Bùi Văn Th1 trình bày: Ông đồng ý với ý kiến của bà Th và đề nghị anh T thanh toán trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu cho bà Th.

Bị đơn anh Ngô Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Th1 T1 đã được giao thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà Th, không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền còn nợ là 10.000.000đồng và trả lãi theo lãi xuất chậm trả do pháp luật quy định là 10%/năm kể từ ngày 01/4/2012 đến ngày 01/4/2022 là 10 năm.

Anh T, chị T1 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Th.

Buộc anh Ngô Văn T phải thanh toán trả cho bà Th số tiền gốc là 10.000.000đồng và 10.000.000đồng tiền lãi.

Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1000.000đồng.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do bà Th đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ do chị Th giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy bà Đàm Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn T thanh toán số tiền còn nợ là 10.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ngô Văn T là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Ngô Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Tam tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không có ai yêu cầu xem xét về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do nguyên xuất trình và quá trình tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy: Do mối quan hệ quen biết nên bà Th có cho anh T vay 10.000.000đồng, có giấy biên nhận ngày 01/3/2012, có chữ ký của anh Ngô Văn T, hạn trả nợ là ngày 01/4/2012. Đến hạn bà Th đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Quá trình khởi kiện anh T đã nhận được giấy triệu tập nhưng không ký nhận và không đến Tòa án làm việc, không xuất trình các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc trả nợ. Như vậy, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Bà Th khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ, trong giấy vay tiền chỉ có anh T ký nên xác định nghĩa vụ trả nợ là của anh T.

Về lãi suất: Do anh T hện ngày 01/4/2012 trả tiền cho bà Th nhưng không trả nợ nên anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Th nên bà Th yêu cầu tính lãi theo lãi xuất chậm trả là 10%/năm và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2012 đến ngày 01/4/2022, từ ngày 02/5/2022 đến ngày xét xử bà Th tự nguyện không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với anh T. Xét yêu cầu về việc tính lãi xuất chậm trả của bà Th là có căn cứ. Cần áp dụng mức lãi suất là 10%/năm để buộc anh T thanh toán trả cho bà Th. Như vậy, anh T phải chịu lãi đối với số tiền còn nợ bà Th như sau:

$10.000.000\text{đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 10 \text{ năm} = 10.000.000\text{đồng}.$

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Th được chấp nhận nên bị đơn anh Ngô Văn T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 1000.000đồng.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688; của Bộ luật Dân sự ; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Th

Buộc anh anh Ngô Văn T phải thanh toán trả cho bà Th 10.000.000đồng tiền gốc và lãi xuất là 10.000.000đồng. Tổng cộng là 20.000.000đồng.

Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1000.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Th1 hành xong, bên phải Th1 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th1 hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được Th1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th1 hành án dân sự thì người được Th1 hành án dân sự, người phải Th1 hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th1 hành án, quyền yêu cầu Th1 hành án, tự nguyện Th1 hành án hoặc bị cưỡng chế Th1 hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Th1 hành án dân sự, thời hiệu Th1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th1 hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đào Thị Oanh